TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1997. Số CCCD: 015197006998. Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị P: Ông Nguyễn Quốc L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn V, sinh năm 1996. Số CCCD: 015096003055. Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bầy: Tôi anh Phùng Văn V kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 27/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng. Chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Phùng Văn V.

Về con chung: Có 02 cháu Phùng Xuân H, sinh ngày 05/10/2017; Phùng Xuân P1, sinh ngày 05/10/2017. Hiện nay hai con đang ở cùng anh V. Khi ly hôn

tôi và anh V thỏa thuận anh V nuôi hai con và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.
Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về án phí: Chị Đặng Thị P xin miễn án phí dân sự sơ thẩm với lý do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.
Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phùng Văn V trình bầy: Tôi và chị Đặng Thị P kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 27/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng. Chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị P xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Phùng Xuân H, sinh ngày 05/10/2017; Phùng Xuân P1, sinh ngày 05/10/2017. Hiện nay hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi và chị P thỏa thuận tôi nuôi hai con và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý. Công việc của tôi hiện nay đi làm thuê, thu nhập một tháng 8.000.000 đồng đủ để nuôi con.
Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phùng Văn V xin miễn án phí dân sự sơ thẩm với lý do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã tiến hành hòa giải nhưng anh V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị P đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Phùng Văn V. Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phùng Xuân H, sinh ngày 05/10/2017; Phùng Xuân P1, sinh ngày 05/10/2017 cho anh Phùng Văn V nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị P là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị P.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị P ly hôn anh Phùng Văn V.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phùng Xuân H và Phùng Xuân P1, cùng sinh ngày 05/10/2017 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị P và anh V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị P và anh Phùng Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 27 tháng 7 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị P và anh V đều cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Chị P xin ly hôn. Anh V đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị P và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị P được ly hôn anh V là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Phùng Xuân H, sinh ngày 05/10/2017; Phùng Xuân P1, sinh ngày 05/10/2017. Khi ly hôn anh V nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, chị P đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu H và cháu P1 cho anh V nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị P; anh V về nuôi

con chung không trái với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh V đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị P và anh Phùng Văn V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị P và anh Phùng Văn V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị P là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Phùng Văn V.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phùng Xuân H, sinh ngày 05/10/2017; Phùng Xuân P1, sinh ngày 05/10/2017 cho anh Phùng Văn V trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Đặng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị P và anh Phùng Văn V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- TGVPL
- UBND xã Mỏ Vàng, tỉnh Lào Cai
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng